



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý khách,

Chân thành cảm ơn Quý khách đã tin tưởng và đồng hành cùng Generali Việt Nam.

Chúng tôi vui mừng chia sẻ cùng Quý khách kết quả kinh doanh của Tập đoàn Generali trong năm 2023, với doanh thu phí gộp đạt 82,5 tỷ Euro, lợi nhuận hoạt động đạt 6,9 tỷ Euro và biên khả năng thanh toán đạt 220,0%. Trong bối cảnh khó khăn của suy thoái kinh tế toàn cầu hậu Covid – 19, chiến tranh ở châu Âu, chính sách thắt chặt tiền tệ tại nhiều quốc gia..., kết quả kinh doanh này tiếp tục khẳng định vị thế tài chính vững chắc, chiến lược kinh doanh đúng đắn và bền vững của Generali.

Tự hào đóng góp tích cực vào những thành tựu của Tập đoàn, trong năm 2023 với những biến động mạnh của thị trường tài chính trong nước, Generali Việt Nam đạt 4.385 tỷ đồng doanh thu phí, tổng chi trả quyền lợi cho Khách hàng trong năm 2023 đạt 1.258 tỷ đồng, tăng 20,0% so với 2022. Biên khả năng thanh toán đạt 260,0% tại thời điểm 31/12/2023, đảm bảo tốt khả năng chi trả cho Khách hàng.

Những văn bản pháp luật quan trọng của ngành bảo hiểm đã được ban hành, bao gồm: Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 (có hiệu lực từ ngày 16/6/2022), Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023) và Thông tư số 67/2023/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 02/11/2023), sẽ tiếp tục có tác động sâu rộng đến toàn bộ hoạt động vận hành của các doanh nghiệp bảo hiểm. Thay đổi này mang đến nhiều thách thức, nhưng cũng sẽ là nền tảng để Generali Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung điều hướng hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng của các kênh phân phối, nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn Generali cũng như chiến lược “Bảo hiểm Minh bạch” mà Generali Việt Nam đã kiên trì thực hiện suốt thời gian qua. Chúng tôi sẽ nỗ lực biến thách thức thành cơ hội, tích cực đưa ra kế hoạch hành động cụ thể để đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định mới của pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Ngoài ra, trong năm qua, Generali Việt Nam tiếp tục tập trung phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng trải nghiệm dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư ngày càng đa dạng của Quý khách.

Chúng tôi cũng tự hào là công ty tiên phong trong việc liên tục ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực bảo hiểm để bảo đảm tính an toàn, minh bạch và tối ưu lợi ích cho Quý khách hàng. Generali Việt Nam xác định, sẽ theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững và thực hiện cam kết trở thành “Người bạn Trọn đời bền vững” của Khách hàng.

Những nỗ lực không ngừng của Generali Việt Nam trong việc liên tục nâng cao trải nghiệm Khách hàng đã gặt hái được “quả ngọt” khi chỉ số đo lường mức độ hài lòng toàn phần của Khách hàng (R-NPS) dẫn đầu thị trường 3 năm liên tiếp (theo báo cáo của công ty tư vấn Epiphany-RBC).

Chúng tôi rất vui mừng khi các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị chủ lực của Generali Việt Nam như VITA – Cho Con, VITA – Đầu Tư Như Ý tiếp tục được đông đảo Quý Khách hàng tin tưởng lựa chọn.

Năm 2023 là một năm thử thách với nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 5,0%, sự chậm lại của kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, lạm phát trong nước đã được kiểm soát tốt, thị trường chứng khoán trở mình mạnh mẽ và kết thúc năm 2023 chỉ số VN-Index tăng lên mức 1.129,93.

Trong bối cảnh đó, với cơ chế độc đáo sử dụng hai công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam VinaCapital và Dragon Capital, các Quỹ liên kết đơn vị của Generali Việt Nam đều đã thành công trong việc giảm thiểu tối đa rủi ro do biến động của thị trường trong giai đoạn khó khăn. Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược đạt 21,85% và Quỹ Tăng Trưởng Năng Động đạt 19,07% trong năm 2023, tăng vượt trội so với chỉ số VN-Index (tăng 12,2%). Những kết quả khả quan này được trình bày chi tiết trong Báo cáo Thường niên về Kết quả hoạt động các Quỹ liên kết đơn vị năm 2023 đính kèm.

Generali Việt Nam trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý khách và cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để xứng đáng với niềm tin của Quý khách.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình sức khỏe và thịnh vượng.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH
Tổng Giám đốc Generali Việt Nam



TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2023

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2023 là một năm thử thách với nền kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 5,0%, thấp hơn mục tiêu 6,5% của Chính phủ. Các khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng đều có mức tăng trưởng thấp hơn năm 2022, tăng lần lượt 6,8% và 3,7% (so với mức tăng 10,0% và 7,8% năm 2022). Riêng khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhất trong 5 năm gần đây (tăng 3,8%).

Sự chậm lại của kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam.

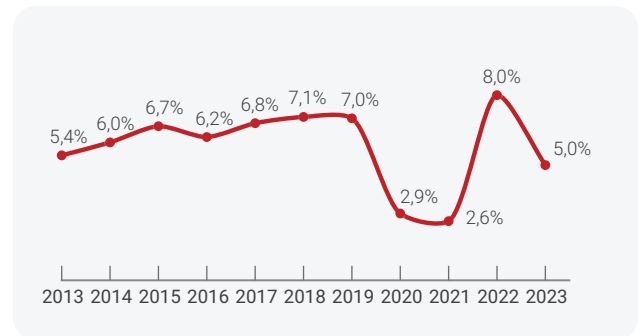
Trong cả năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chỉ tăng 1,5% so với cùng kỳ – mức tăng theo năm thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Hoạt động xuất khẩu đã cải thiện dần trong những tháng cuối năm, tuy nhiên vẫn còn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 12, xuất khẩu hàng hóa đạt 32,9 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ; nhập khẩu hàng hóa đạt 30,6 tỷ USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lũy kế cả năm, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu giảm lần lượt 4,4% và 8,9%, đạt lần lượt 355,5 tỷ USD và 327,5 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại cao kỷ lục lên đến 28,0 tỷ USD (theo số liệu của Tổng cục thống kê). Trong số các đối tác lớn của Việt Nam, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu duy nhất có mức tăng trưởng dương, các thị trường lớn khác đều tăng trưởng âm.

Từ cuối năm 2022, Chính phủ đã triển khai một loạt các biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu suy giảm. Một số biện pháp chính bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2023 trị giá 727 nghìn tỷ đồng - tăng 38,0% so với kế hoạch năm 2022, hoãn thuế và phí tối đa 6 tháng, giảm nhiều loại thuế và phí, cùng nhiều biện pháp khác. Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã 4 lần giảm

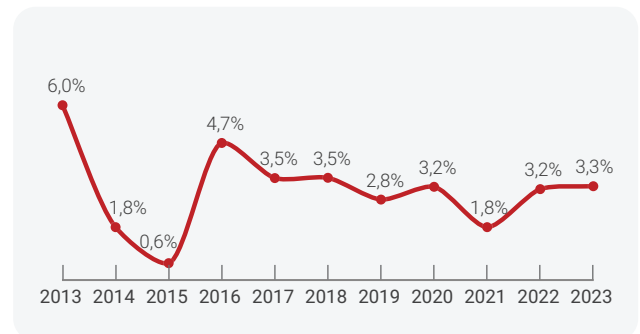
lãi suất điều hành trong nửa đầu năm 2023 với mức giảm từ 50 - 200 điểm cơ bản. Từ đó, các ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất huy động và cho vay xuống mức thấp nhất trong 20 năm (theo Phó Thống đốc NHNN vào đầu năm 2024). Những diễn biến về chính sách tài khóa và tiền tệ này đã giúp bù đắp tác động tiêu cực của nhu cầu toàn cầu yếu đối với nền kinh tế trong năm 2023 và dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2024.

Lạm phát trong nước năm 2023 đã được kiểm soát tốt, nằm trong mục tiêu đề ra từ đầu năm của Quốc hội. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cơ bản của Việt Nam tháng 12 tăng nhẹ 0,1% so với tháng 11. Lạm phát toàn phần cả năm duy trì ở mức 3,3%, lạm phát cơ bản là 4,2%.

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM 2013 - 2023



LẠM PHÁT CỦA VIỆT NAM 2013 - 2023



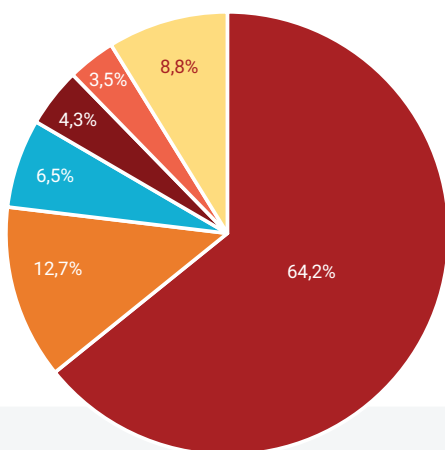
Nguồn: Tổng cục thống kê



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là điểm sáng trong tình hình kinh tế năm 2023 với mức FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục, tăng 3,5% so với 2022 lên 23,2 tỷ USD. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, FDI đăng ký cũng tăng mạnh 32,1% lên mức 36,6 tỷ USD. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 23,5 tỷ USD, chiếm 64,2% tổng vốn

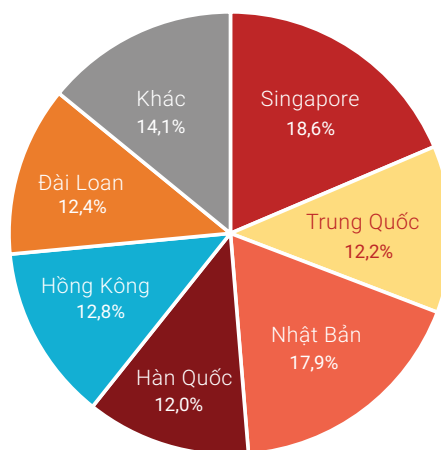
đầu tư đăng ký và tăng 39,9% so với năm trước, chứng tỏ tiềm năng và tầm quan trọng của ngành này trong nền kinh tế Việt Nam. Xét vốn đăng ký theo quốc gia/khu vực, Singapore dẫn đầu với 6,8 tỷ USD, chiếm 18,6% tổng vốn đăng ký. Tiếp theo là Nhật Bản (6,6 tỷ USD; chiếm 17,9%), Hồng Kông (4,7 tỷ USD; chiếm 12,8%) và Trung Quốc (4,5 tỷ USD; chiếm 12,2%).

FDI ĐĂNG KÝ THEO NGÀNH



- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Tài chính ngân hàng và bảo hiểm
- Bất động sản
- Khoa học công nghệ
- Năng lượng
- Các ngành khác

FDI ĐĂNG KÝ THEO QUỐC GIA/KHU VỰC



Nguồn: Tổng cục thống kê

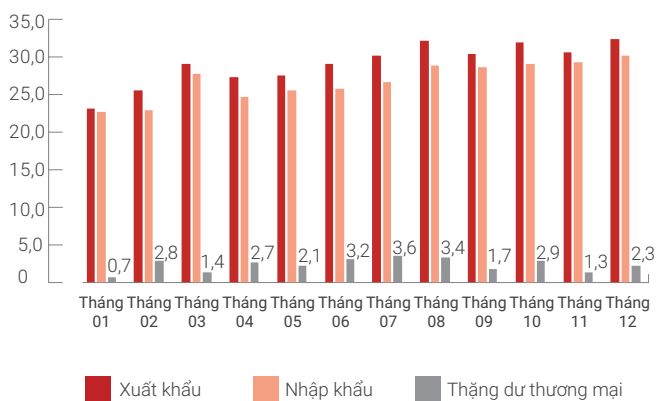


Tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt khoảng 13,5% so với cuối năm 2022, gần đạt chỉ tiêu 14,0 – 15,0% của NHNN đề ra. NHNN đã giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15,0% cho năm 2024 ngay ngày đầu năm, thể hiện thông điệp đưa vốn vào nền kinh tế cần mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

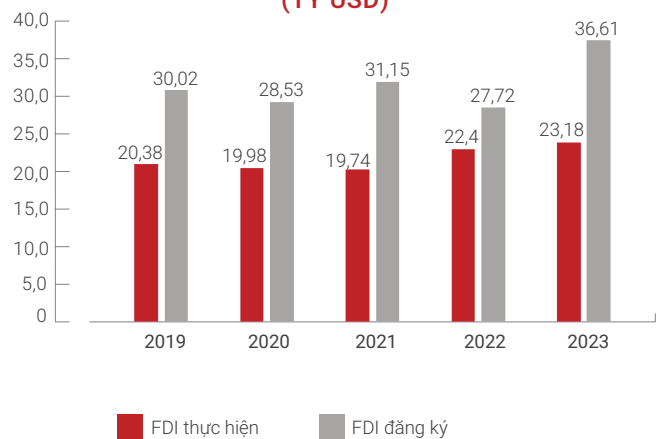
Trong năm 2023, VND mất giá khoảng 2,8% so với USD. Ở những tháng đầu năm, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) liên tục tăng lãi suất nhằm chống lại lạm phát cao kỷ lục trong 40 năm qua tại Mỹ. Trong khi ở chiều ngược lại, NHNN Việt Nam lại cắt giảm lãi suất nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Điều này đã dẫn đến lãi suất ngắn hạn của VND thấp hơn lãi suất ngắn

hạn của đồng USD, đỉnh điểm chênh lệch lên đến 5,0%, gây áp lực lớn lên tỷ giá USD/VND vào giai đoạn tháng 8 và nửa đầu tháng 9 năm 2023. Để giải quyết, NHNN đã phát hành tín phiếu trở lại để hấp thụ thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng. Các biện pháp kịp thời của NHNN, cộng hưởng cùng với sự sụt giảm mạnh của Chỉ số Dollar Index và dòng ngoại tệ đổ vào từ kiều hối và vốn FDI giải ngân thời điểm cuối năm, đã góp phần giảm áp lực lên tỷ giá, VND cũng đã tăng giá trở lại từ cuối quý 3 năm 2023. Tính đến ngày 29/12/2023, tỷ giá USD/VND giao dịch ở mức 24.269 trên thị trường liên ngân hàng, tương đương mức tăng 2,8% vào năm 2023.

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2023 (TỶ USD)



VỐN FDI VÀO VIỆT NAM 2019 - 2023 (TỶ USD)



Nguồn: Tổng cục thống kê



THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Trong năm 2023, VN-Index tăng 12,2% (sau khi giảm 32,8% trong năm 2022), vượt trội so với Chỉ số Thị trường mới nổi MSCI (-10,0%), SET của Thái Lan (-15,2%), PCOMP của Philippines (-1,8%) và JCI của Indonesia (+6,2%). Một số động lực quan trọng giúp VN-Index tăng trưởng trong năm 2023 bao gồm:

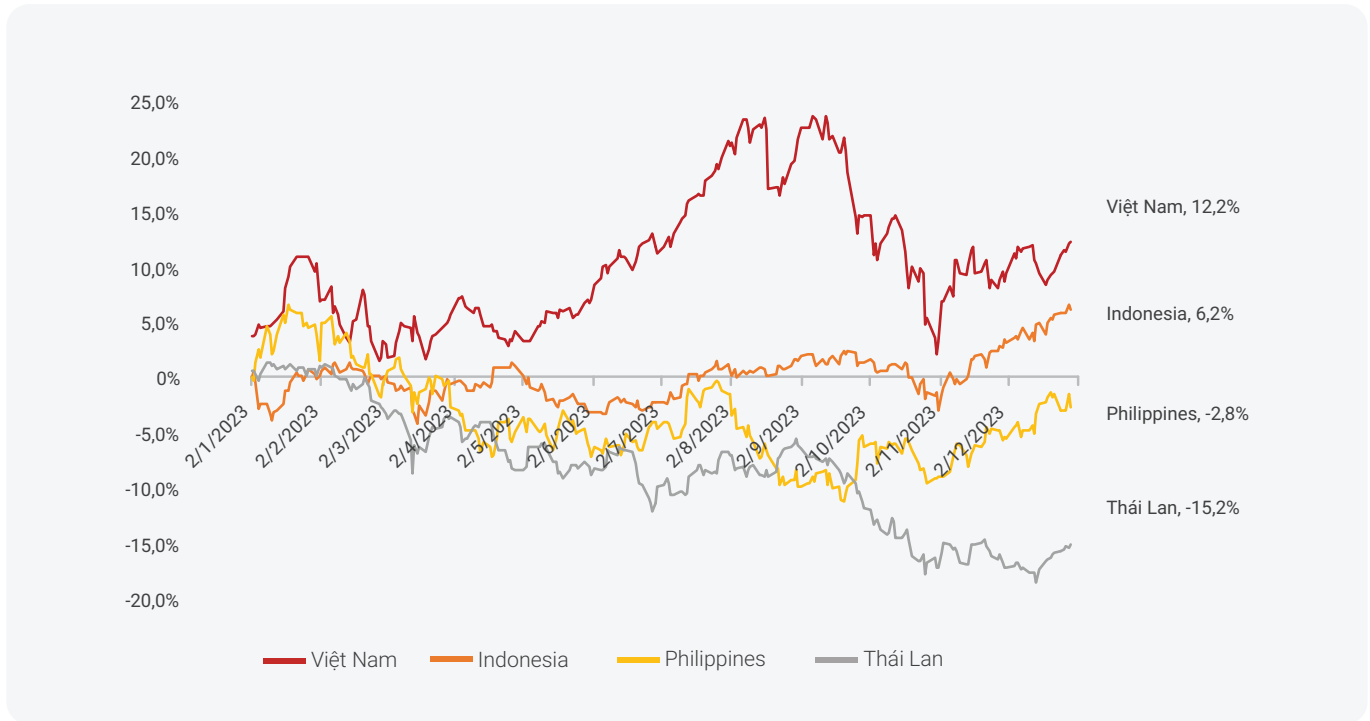
- 1) 4 đợt cắt giảm lãi suất chính sách của NHNN từ tháng 3 đến tháng 5, đưa mặt bằng lãi suất Việt Nam về mức thấp nhất trong lịch sử 20 năm trở lại đây, thúc đẩy nhu cầu tìm kiếm kênh đầu tư mang lại lợi tức cao hơn;
- 2) Chính phủ ban hành nhiều Nghị định và Thông tư nhằm mục đích hỗ trợ cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn (chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản) cơ cấu lại/gia hạn nợ với chủ nợ (ngân hàng và người nắm giữ trái phiếu);
- 3) FED tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ cho đến tháng 9 năm 2023. Sau đó, các nhà hoạch định chính sách của FED đã đưa ra kỳ vọng sẽ ngừng tăng lãi suất lần đầu tiên từ tháng 3 năm 2024 và dự báo sẽ có ít nhất 3 lần cắt giảm lãi suất vào năm 2024.

Như vậy, có thể nói thị trường chứng khoán năm 2023 đã chứng kiến sự trở lại mạnh mẽ của giao dịch từ các nhà đầu tư nội địa, khi các kênh đầu tư truyền thống khác đều bị ảnh hưởng tiêu cực, có thể kể đến như lãi suất tiền gửi liên tục giảm, thị trường bất động sản gần như đóng băng, kênh trái phiếu cũng phát sinh nhiều rủi ro và hệ lụy từ việc thiếu các kênh cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch.

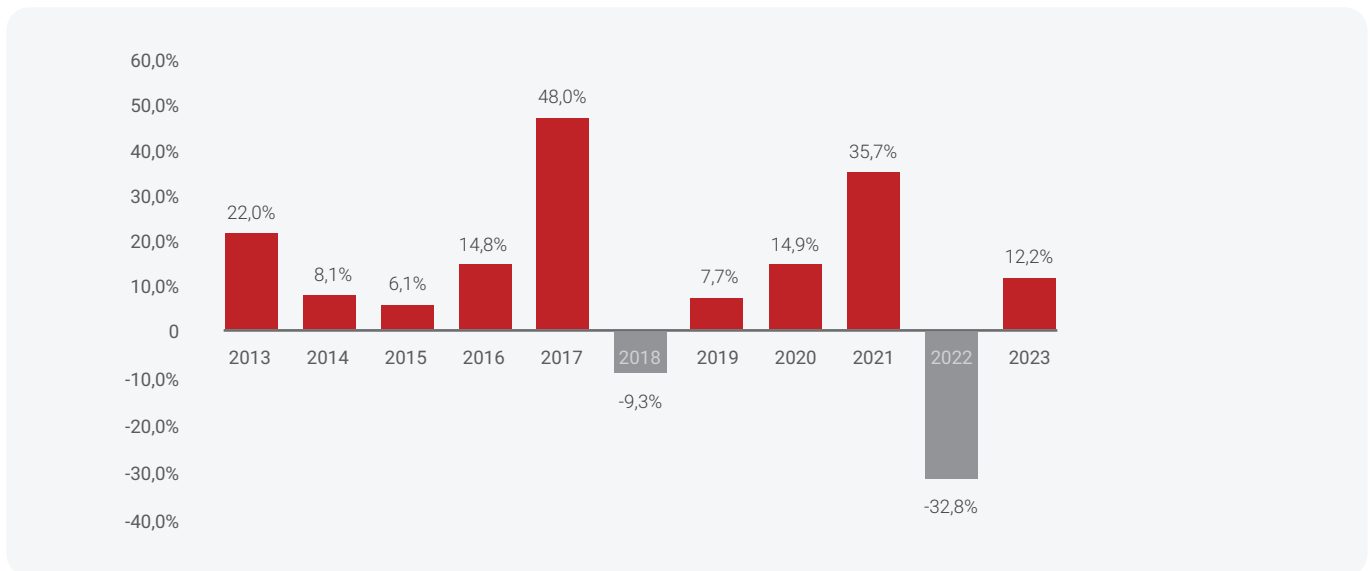
Năm 2023, giá trị giao dịch trung bình của 3 sàn (Sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sàn chứng khoán Hà Nội và Sàn chứng khoán UPCOM) **gộp lại giảm 12,6% xuống mức 17.500 tỷ đồng**, trong khi đó, tổng số tài khoản môi giới tăng từ 6,8 triệu đến 7,3 triệu tài khoản. Sau khi mua ròng mạnh vào quý 4 năm 2022, khi thị trường điều chỉnh dưới mốc 1.000 điểm, **các nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng xấp xỉ 1,0 tỷ USD** trong năm 2023. Hành động của khối ngoại có thể được giải thích bởi những nguyên nhân chính sau đây:

- 1) Chốt lời khi VN-Index bật tăng mạnh trong năm 2023 từ mức thấp trong quý 4 năm 2022;
- 2) Phân bổ vào các thị trường phát triển, do việc FED tiếp tục tăng lãi suất và đồng USD mạnh có lợi cho tài sản đầu tư ở các thị trường này trong chiến lược luân chuyển nguồn vốn và phân bổ tài sản đầu tư toàn cầu;
- 3) Quan ngại về tăng trưởng yếu trong năm 2023 do bị tác động bởi tình hình kinh tế kém khả quan ở các thị trường tiêu thụ chính của Việt Nam, đặc biệt là trong thời gian đầu năm kèm theo những lo ngại kéo dài về các vấn đề trên thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp.

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CỦA VN-INDEX SO VỚI CÁC THỊ TRƯỜNG KHÁC TRONG KHU VỰC



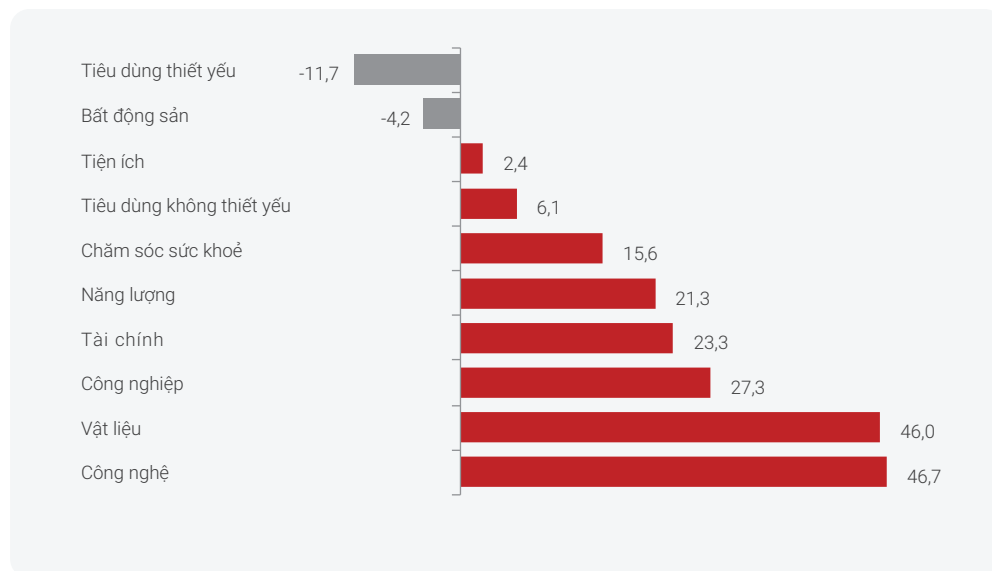
HIỆU SUẤT ĐẦU TƯ CỦA VN-INDEX GIAI ĐOẠN 2013 - 2023



Nguồn: Bloomberg

Hầu hết các ngành đều tăng điểm trong năm 2023. Dẫn đầu là công nghiệp, vật liệu và công nghệ với mức tăng lần lượt là 46,7%, 46,0% và 27,3%. Chỉ có 2 ngành giảm điểm trong năm 2023 là bất động sản (-4,2%) và tiêu dùng thiết yếu (-11,7%).

ĐÓNG GÓP VÀO TỶ LỆ TĂNG GIẢM CỦA VN-INDEX THEO NGÀNH NĂM 2023 (%)



Nguồn: VinaCapital

CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG TĂNG LỚN CHỐT NGÀY 31/12/2023

CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG GIẢM LỚN CHỐT NGÀY 31/12/2023

Mã	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi so với năm trước	% Ảnh hưởng đến VN-Index	Mã	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi so với năm trước	% Ảnh hưởng đến VN-Index
VCB	80.300	18,5	1,8	MSN	67.000	-28,0	-0,9
HPG	27.950	55,3	1,5	VIC	44.600	-17,1	-0,8
BID	43.400	26,7	1,3	SAB	63.000	-24,5	-0,4
FPT	96.100	43,7	0,9	BCM	62.900	-22,0	-0,4
GVR	21.200	53,6	0,8	VHM	43.200	-10,0	-0,4

Nguồn: Bloomberg



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

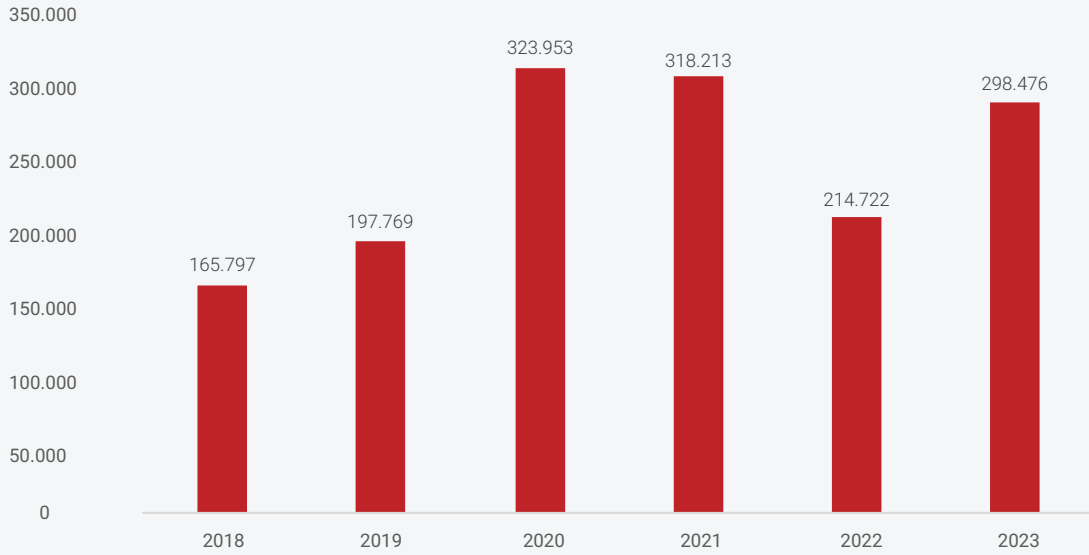
Trong năm 2023, Kho bạc nhà nước đã phát hành 298.476 tỷ đồng, tương đương hơn 97,86% kế hoạch điều chỉnh cả năm (305.000 tỷ đồng) và đạt 74,6% kế hoạch ban đầu. Riêng quý 4 chỉ đạt 37,38% kế hoạch (130.000 tỷ đồng).

Lãi suất phát hành duy trì xu hướng giảm trong cả năm, ngoại trừ một vài nhịp tăng nhẹ không đáng kể vào cuối tháng 2, đầu tháng 3 và trong tháng 11. Nguyên nhân chính là do NHNN duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng với 4 lần cắt giảm lãi suất, cộng với việc dư thừa thanh khoản trong hệ thống ngân hàng do nhu cầu vay vốn thấp đã gây áp lực giảm giá lãi suất trái phiếu Chính phủ. Lãi suất phát hành bình quân trong

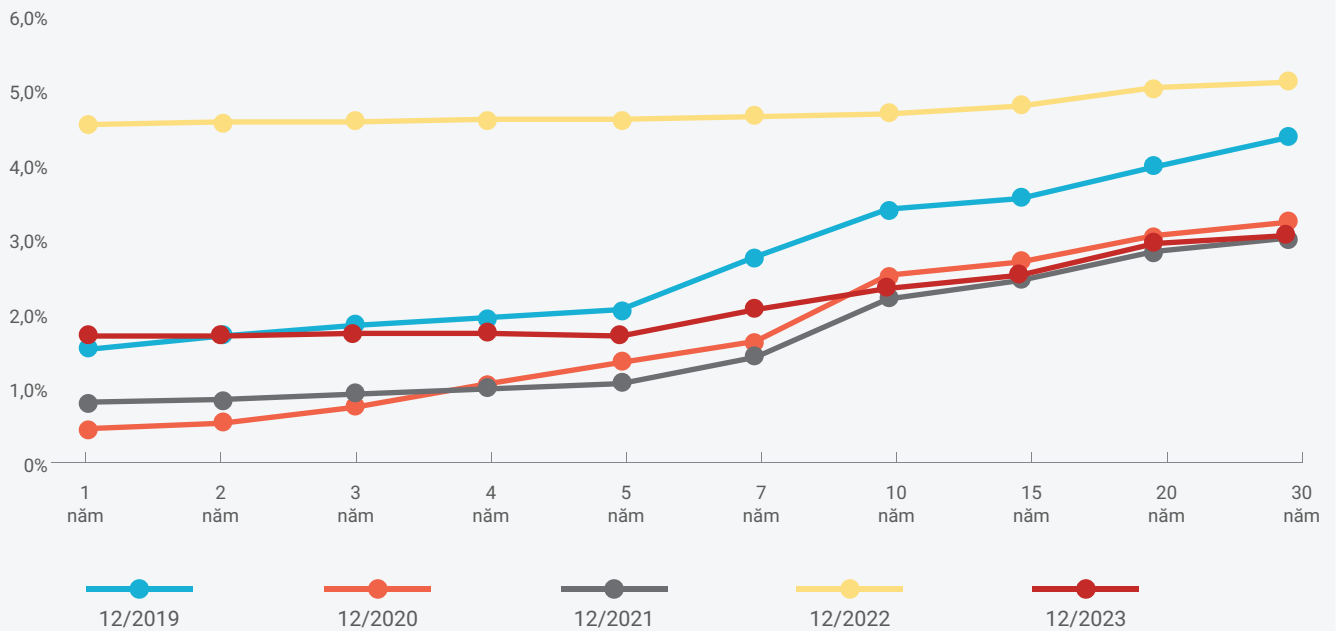
năm 2023 là 3,21% (giảm 27 điểm cơ bản, từ mức 3,48% trong năm 2022). Kỳ hạn phát hành bình quân là 12,58 năm, giảm nhẹ so với năm 2022 (12,67 năm), vẫn tiếp tục tập trung chủ yếu ở các kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Khối lượng phát hành ở các kỳ hạn này đạt tới 251.090 tỷ đồng, chiếm đến 84,12% tổng khối lượng phát hành.

Tương tự với thị trường sơ cấp, lợi suất trái phiếu trên thị trường thứ cấp cũng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn. So với đầu năm 2023, lợi suất thứ cấp của trái phiếu kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 20 năm và 30 năm lần lượt giảm xuống mức 1,53% (-310 điểm cơ bản), 2,24% (-250 điểm cơ bản), 2,91% (-220 điểm cơ bản) và 3,00% (-230 điểm cơ bản) ở thời điểm cuối năm.

GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (TỶ ĐỒNG)



ĐƯỜNG CONG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ 2018 - 2023



Nguồn: VBMA, HNX

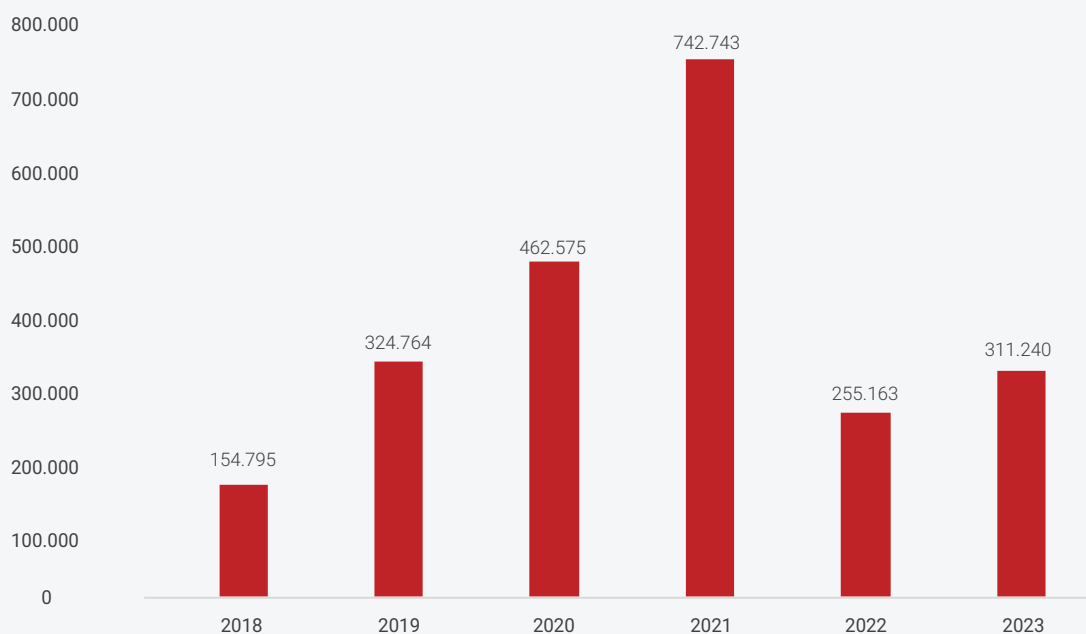
Trái phiếu doanh nghiệp

Theo dữ liệu được Hiệp hội Trái phiếu VBMA tổng hợp từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK), **tổng lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 đạt 311 ngàn tỷ đồng, tăng 22,0% so với cùng kỳ**, trong đó có 29 đợt phát hành ra công chúng với giá trị 37 ngàn tỷ đồng và 286 đợt phát hành riêng lẻ với giá trị huy động đạt 274 ngàn tỷ đồng. Ngân hàng là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 176 ngàn tỷ đồng (chiếm 56,5% tổng

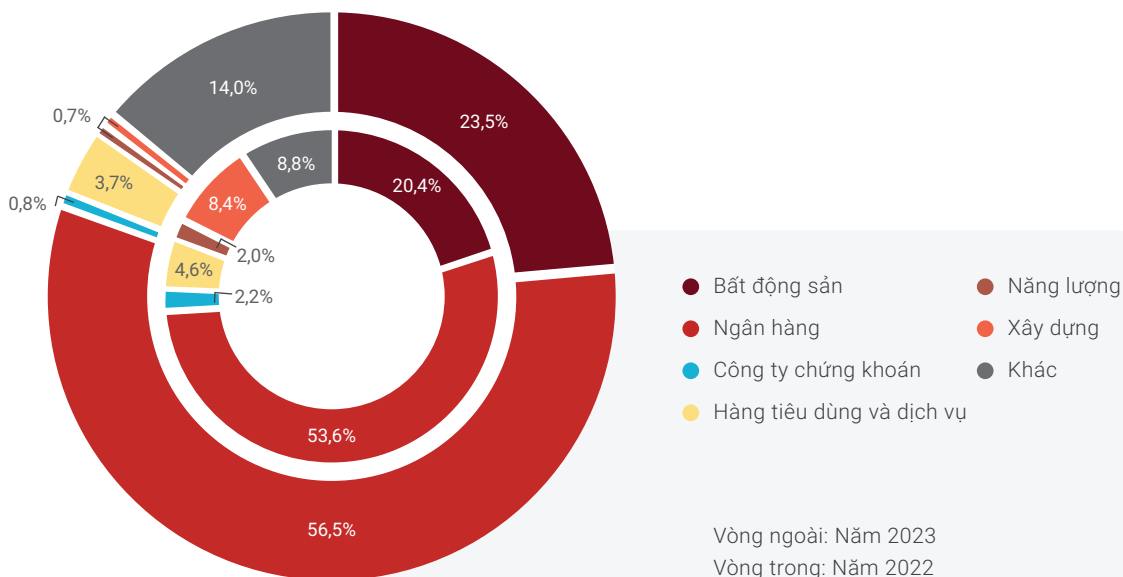
giá trị phát hành), theo sau là nhóm Bất động sản với 73 ngàn tỷ đồng (tương đương 23,5%).

Lãi suất phát hành có xu hướng giảm ở các đợt phát hành nửa cuối năm 2023, theo thống kê nhóm bất động sản có mức lãi suất phát hành bình quân cả năm giảm về mức 10,0% (từ mức 12,06% đầu năm), tổ chức tín dụng bình quân ở mức 6,8% (từ mức 8,07% đầu năm), các nhóm ngành khác có mức lãi suất bình quân quanh mức 10,0 – 12,0%.

GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH THEO NGÀNH



Nguồn: VBMA, HNX

Thị trường tiền tệ và lãi suất ngân hàng

Sau khi NHNN cắt giảm lãi suất vào tháng 3, tháng 5 và tháng 6, mặt bằng lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại (NHTM) cũng liên tục giảm theo. Tại thời điểm cuối năm 2023, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các NHTM đã giảm xuống mức 4,5% – 5,5% từ mức đỉnh là 8,0% giai đoạn đầu năm. Đây là mức thấp nhất trong vòng 20 năm qua.

Lãi suất trên thị trường 2 (thị trường tiền tệ liên ngân hàng) cũng xuống rất thấp. Ngoại trừ giai đoạn mà NHNN phát hành tín phiếu để điều tiết tỷ giá từ ngày 21/9 – 8/11/2023, lãi suất luôn duy trì ở mức dưới 1,0% và mới chỉ bật tăng trở lại từ ngày 26/12/2023.

LÃI SUẤT TIỀN GỬI KỲ HẠN DƯỚI 6 THÁNG



LÃI SUẤT TIỀN GỬI KỲ HẠN 12 THÁNG



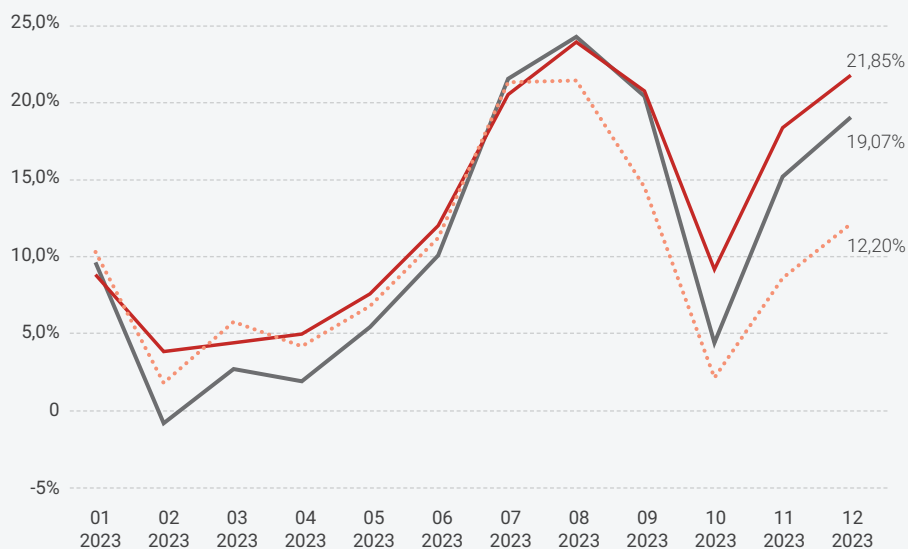
Nguồn: Các NHTM, SSI tổng hợp

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị được tính bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư của Quỹ trừ đi tổng giá trị các khoản nợ phải trả của Quỹ tại thời điểm định giá.

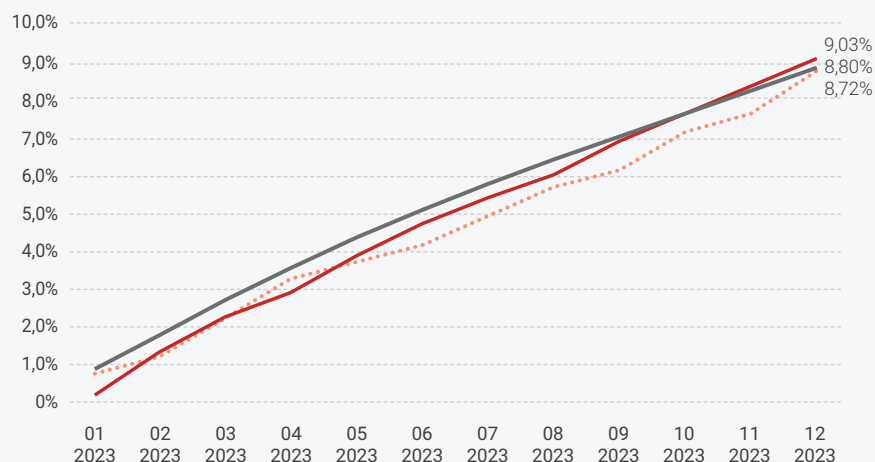
TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂM 2023

— Quỹ Tăng Trưởng Năng Động
— Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược
..... VN-Index



TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN QUỸ TÍCH LŨY NĂM 2023

— Quỹ Tích lũy Năng Động
— Quỹ Tích lũy Chiến Lược
..... VNIBOR 3M + 3,5%



CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG

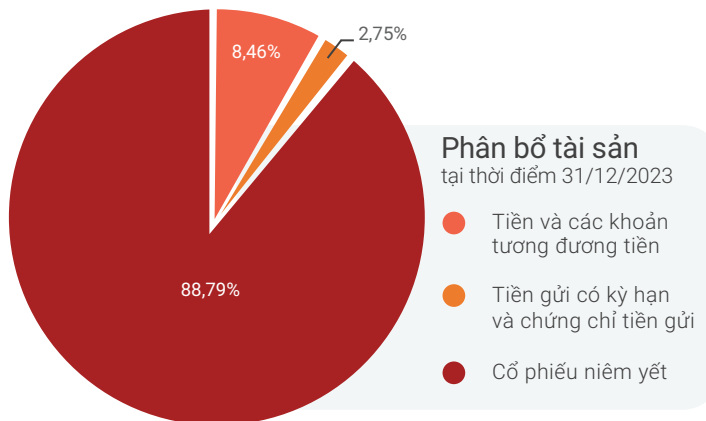
Các Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng là các Quỹ liên kết đơn vị nhằm cung cấp sự tăng trưởng vốn trong thời gian trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết trong các ngành có thể hưởng lợi từ xu thế tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và thế giới.

Mức sinh lời so sánh: **VN-Index**

QUỸ TĂNG TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ **VinaCapital (VCFM)**

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**



LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2023	2022	2021	2020	2019 ^(*)	Từ thành lập
Tăng Trưởng Chiến Lược	21,85%	-22,11%	52,42%	11,05%	N/A	56,78%
Mức sinh lời so sánh	12,20%	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	15,37%

Nguồn: *VinaCapital*

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2023)

Mã chứng khoán	Tăng/giảm trong năm (%)	Ngành	Tỷ lệ năm giữ (%)
FPT	43,7%	CNTT	12,6%
MBB	25,4%	Tài chính	7,3%
ACB	25,5%	Tài chính	6,9%
VCB	18,5%	Tài chính	5,7%
TCB	23,0%	Tài chính	5,1%

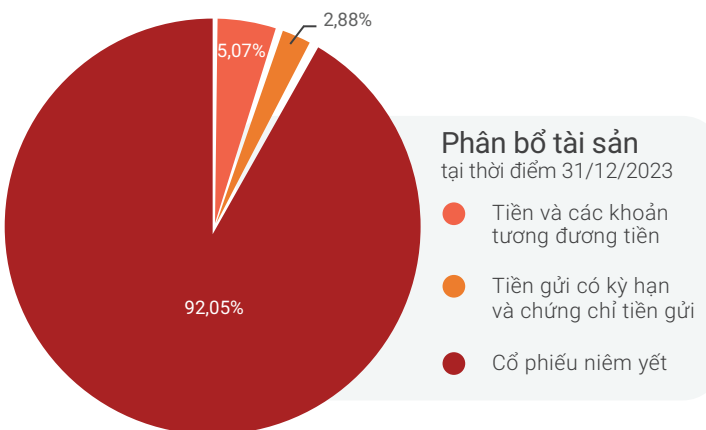
Nguồn: *Bloomberg, VinaCapital*

QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ **Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)**^(**)

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**

(**) Kể từ ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).



LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2023	2022	2021	2020	2019 ^(***)	Từ thành lập
Tăng Trưởng Năng Động	19,07%	-33,01%	45,47%	14,06%	N/A	30,46%
Mức sinh lời so sánh	12,20%	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	15,37%

Nguồn: *Dragon Capital Việt Nam*

(***) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2023)

Mã chứng khoán	Tăng/giảm trong năm (%)	Ngành	Tỷ lệ năm giữ (%)
FPT	43,7%	CNTT	9,8%
MWG	-0,2%	Tiêu dùng	6,6%
DGC	60,3%	Vật liệu cơ bản	6,5%
HPG	55,3%	Vật liệu cơ bản	4,3%
STB	24,2%	Tài chính	3,7%

Nguồn: *Bloomberg, Dragon Capital Việt Nam*

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TÍCH LŨY

Các Quỹ Đầu Tư Tích Lũy là các Quỹ liên kết đơn vị với mục tiêu đem lại thu nhập ổn định với mức độ rủi ro thấp thông qua đầu tư vào danh mục đa dạng các loại trái phiếu và tài sản sinh lợi ổn định.

Mức sinh lời so sánh:

Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%

QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: **VCFM**

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2023	2022	2021	2020	2019 ^(*)	Từ thành lập
Tích lũy Chiến Lược	9,03%	9,07%	9,22%	7,16%	N/A	42,01%
Mức sinh lời so sánh	8,80%	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	34,10%

Nguồn: VinaCapital

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: **DCVFM**

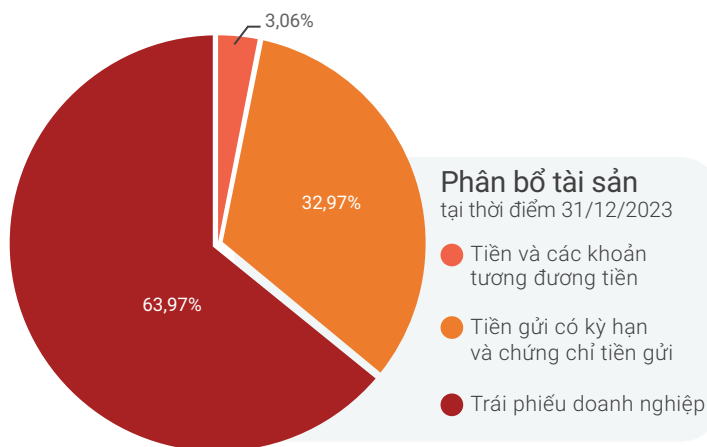
Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2023	2022	2021	2020	2019 ^(**)	Từ thành lập
Tích lũy Năng Động	8,72%	8,69%	8,36%	7,37%	N/A	40,24%
Mức sinh lời so sánh	8,80%	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	34,10%

Nguồn: Dragon Capital Việt Nam

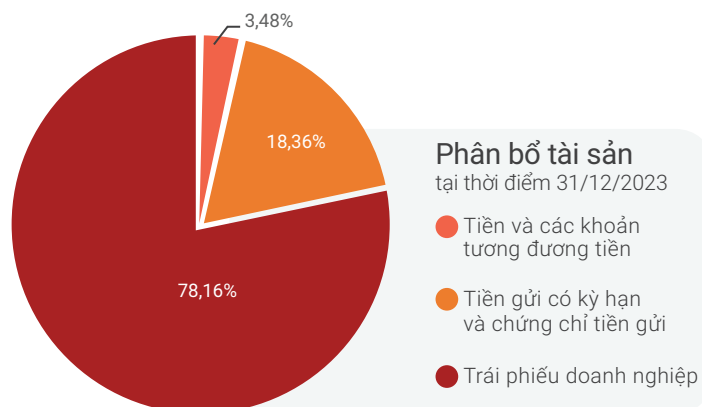
(**) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019



TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2023)

Tài sản	Tỷ lệ năm giữ (%)
Trái phiếu SBT	17,8%
Chứng chỉ tiền gửi MAFC	16,6%
Trái phiếu KDH	13,6%
Trái phiếu PC1	11,0%
Trái phiếu MSN	10,8%

Nguồn: Bloomberg, VinaCapital



TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2023)

Tài sản	Tỷ lệ năm giữ (%)
Trái phiếu CII	16,4%
Trái phiếu TNG	15,6%
Trái phiếu MSN	12,4%
Trái phiếu VNDS	10,9%
Trái phiếu KDH	10,1%

Nguồn: Bloomberg, Dragon Capital Việt Nam

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: VND

NĂM 2023

Tổng phí bảo hiểm (a)	1.323.817.141.300
Phí bảo hiểm cơ bản	1.309.963.542.500
Phí bảo hiểm đóng thêm	13.853.598.800
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các quỹ liên kết đơn vị (b)	-
Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c)	778.085.437.500
Năm thứ nhất	420.423.307.700
Năm thứ hai	299.036.044.800
Năm thứ ba	50.769.352.000
Năm thứ tư	7.856.733.000
Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (d) = (a) - (b) - (c)	545.731.703.800
Tổng số phí bảo hiểm đã phân bổ vào các Quỹ Liên kết đơn vị	575.109.806.000
Phí bảo hiểm đã nhận chưa phân bổ vào các Quỹ Liên kết đơn vị	29.378.102.200

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỀ ĐƠN VỊ CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Quỹ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2023				Số phát sinh trong năm		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Số tiền (VNĐ)	Số đơn vị quỹ	Giá mua (VNĐ)	Giá bán (VNĐ)	Số tiền (VNĐ)	Số đơn vị quỹ	Số tiền (VNĐ)	Số đơn vị quỹ	Giá mua (VNĐ)	Giá bán (VNĐ)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	75.538.023.154	5.799.414	13.025	13.025	16.212.735.352	661.530	91.750.758.506	6.460.944	14.201	14.201
Quỹ Tích Lũy Năng Động	82.346.275.862	6.384.001	12.899	12.899	16.746.951.939	682.122	99.093.227.801	7.066.123	14.024	14.024
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	133.057.185.472	10.340.817	12.867	12.867	50.170.948.332	1.346.114	183.228.133.804	11.686.931	15.678	15.678
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	120.105.863.434	10.961.252	10.957	10.957	53.356.151.711	2.335.126	173.462.015.145	13.296.378	13.046	13.046
	411.047.347.922	33.485.484			136.486.787.334	5.024.892	547.534.135.256	38.510.376		

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Đơn vị: VNĐ

Tài sản	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Tiền	41.756.860	64.266.835	9.311.350.434	8.691.642.188	18.109.016.317
Danh mục đầu tư	88.945.589.656	95.645.075.084	167.721.321.382	164.669.702.550	516.981.688.672
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	30.250.000.000	18.190.000.000	5.037.150.882	5.000.000.000	58.477.150.882
Trái phiếu doanh nghiệp	58.695.589.656	77.455.075.084	-	-	136.150.664.740
Cổ phiếu niêm yết	-	-	162.684.170.500	159.669.702.550	322.353.873.050
Tài sản khác	2.763.411.990	3.383.885.882	6.195.461.988	100.670.407	12.443.430.267
Phải thu lãi các khoản đầu tư	2.288.746.415	2.901.393.709	3.287.149.288	(2.543.440.216)	5.933.849.196
Tài sản khác	474.665.575	482.492.173	2.908.312.700	2.644.110.623	6.509.581.071
Tổng tài sản	91.750.758.506	99.093.227.801	183.228.133.804	173.462.015.145	547.534.135.256

BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Đơn vị: VNĐ

Nội dung	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Thu nhập/Doanh thu					
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị	40.525.411.100	47.487.530.200	245.069.075.100	242.027.789.600	575.109.806.000
Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư	8.429.228.601	8.882.533.468	33.224.334.116	26.630.331.715	77.166.427.900
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	1.554.573.827	1.728.427.143	264.592.282	234.342.467	3.781.935.719
Trái phiếu doanh nghiệp	6.874.654.774	7.154.106.325	-	-	14.028.761.099
Cổ phiếu niêm yết	-	-	32.959.741.834	26.395.989.248	59.355.731.082
Thu nhập khác	117.765.100	165.280.700	947.862.400	843.674.000	2.074.582.200
Tổng thu nhập /Doanh thu (1)	49.072.404.801	56.535.344.368	279.241.271.616	269.501.795.315	654.350.816.100
Chi phí					
Phí bảo hiểm rủi ro	25.476.366.511	30.505.941.746	190.490.221.248	181.108.518.295	427.581.047.800
Phí quản lý hợp đồng	2.247.613.889	2.691.340.554	16.805.711.552	15.978.025.005	37.722.691.000
Phí chuyển đổi quỹ	600.000	200.000	600.000	1.000.000	2.400.000
Phí huỷ bỏ hợp đồng	3.883.684.800	5.239.029.900	17.931.836.800	15.554.683.800	42.609.235.300
Phí quản lý quỹ	1.251.404.249	1.351.880.229	3.841.953.684	3.503.416.504	9.948.654.666
Tổng chi phí (2)	32.859.669.449	39.788.392.429	229.070.323.284	216.145.643.604	517.864.028.766
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)]	16.212.735.352	16.746.951.939	50.170.948.332	53.356.151.711	136.486.787.334

BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Đơn vị: VNĐ

Nội dung	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Rút quỹ mời trong năm (4)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 (5)	35.538.023.154	42.346.275.862	123.057.185.472	110.105.863.434	311.047.347.922
Lợi nhuận phân chia (6)					-
Cho chủ hợp đồng	-	-	-	-	-
Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	-	-	-	-	-
Cho chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mời)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 [(3) + (4) + (5) + (6)]	51.750.758.506	59.093.227.801	173.228.133.804	163.462.015.145	447.534.135.256

Dương Thị Ngọc Tâm
Kế toán trưởng
(Đã ký)

Gu Junlian
Chuyên gia Tính toán được chỉ định
(Đã ký)

Hồ Thị Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
(Đã ký)

Nguyễn Phương Anh
Tổng Giám đốc
(Đã ký)

TRIỂN VỌNG NĂM 2024



KINH TẾ VĨ MÔ

Với đà hồi phục khá rõ nét từ nửa cuối năm 2023, dự báo năm 2024 kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc. Theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Quốc hội đặt mục tiêu GDP tăng trưởng ở mức 6,0% - 6,5% (tương đương tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 5 năm trước đại dịch COVID-19). Kỳ vọng tăng trưởng kinh tế năm 2024 sẽ được hỗ trợ bởi:

- 1) Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tiếp tục nới lỏng. Một số chính sách có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm 2024, bao gồm:
 - Cải cách tiền lương khu vực công, dự kiến được thực hiện từ nửa cuối năm 2024, có thể giúp GDP tăng thêm 0,3 điểm % trong năm 2024 và 0,2 điểm % trong năm 2025 (theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
 - Giảm thuế: cắt giảm 2,0% thuế VAT đến hết tháng 6 năm 2024 và kéo dài thời gian cắt giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu cho đến hết năm 2024.
 - Kéo dài thời gian giải ngân gói hỗ trợ phục hồi 2022 - 2023 đến năm 2024: Tính đến cuối tháng 11 năm 2023, chỉ có 50,0% gói hỗ trợ được thông qua vào năm 2022, đã được giải ngân. Một phần khoản tiền còn lại có thể được kéo dài thời gian giải ngân.
 - NHNN nhiều khả năng sẽ duy trì quan điểm nới lỏng tiền tệ trong năm 2024. Do đó, lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức thấp.

2) FDI tiếp tục gia tăng do được hỗ trợ bởi lượng vốn đăng ký tăng mạnh trong năm 2023 (36,6 tỷ USD; tăng 31,1% so với cùng kỳ).

3) Xuất nhập khẩu và sản xuất phục hồi: Mặc dù nhu cầu toàn cầu có thể vẫn yếu trong nửa đầu năm 2024, xuất khẩu có khả năng đạt mức tăng trưởng 2 chữ số trong nửa đầu năm 2024 từ mức nền thấp của nửa đầu năm 2023 và có thể sẽ tiếp tục phục hồi trong nửa cuối năm 2024.

4) Khách quốc tế tiếp tục phục hồi: Lượng khách quốc tế đạt 12,6 triệu lượt vào năm 2023 - tương đương 70,0% mức trước COVID-19 là 18 triệu lượt vào năm 2019. Kỳ vọng trong năm 2024 lượng khách quốc tế tiếp tục phục hồi sẽ hỗ trợ ngành du lịch và tăng trưởng kinh tế.

Ngoài những yếu tố tích cực kể trên, kinh tế vĩ mô vẫn tiềm ẩn những rủi ro và bất ổn trong năm 2024, chủ yếu đến từ:

- 1) Tăng trưởng toàn cầu yếu hơn kỳ vọng, đặc biệt là Trung Quốc, có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu, sản xuất và du lịch của Việt Nam.
- 2) Bất ổn địa chính trị và các biến động toàn cầu khác như xung đột Nga - Ukraine, Israel - Hamas.
- 3) Lạm phát dai dẳng ở các nền kinh tế phát triển có thể khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và Ngân hàng Trung ương châu Âu tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt trong thời gian dài hơn.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Ngày 29/12/2023, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Theo đó thể hiện quyết tâm đưa thị trường chứng khoán thành một kênh huy động vốn dài hạn cho doanh nghiệp, giảm tải áp lực cho hệ thống ngân hàng thương mại. Trong bối cảnh thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện, cổ phiếu được coi là một kênh đầu tư tài sản cùng với thị trường bất động sản truyền thống.

Dự báo năm 2024, thị trường chứng khoán có thể sẽ được hỗ trợ bởi các yếu tố: (1) Sự phục hồi của nền kinh tế trong nước; (2) Kết quả kinh doanh của các công ty niêm yết dự kiến hồi phục; (3) Định giá thị trường đang ở mức hấp dẫn cùng với môi trường lãi suất

thấp sẽ khiến thị trường chứng khoán trở thành 1 kênh đầu tư hấp dẫn; (4) Hệ thống giao dịch chứng khoán KRX sẽ chính thức được vận hành trong tháng 6 năm 2024 và khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 vẫn sẽ đối mặt với nhiều thách thức đến từ cả nội cảnh và ngoại cảnh, bao gồm: (1) Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam (Trung Quốc, Châu Âu và Mỹ) không hồi phục sớm như kỳ vọng; (2) Rủi ro về lạm phát và tỷ giá có thể ảnh hưởng tới chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN; (3) Tình hình giải ngân chậm của các dự án đầu tư công cũng như của khu vực tư nhân có thể dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm hơn dự kiến.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2024 là 400.000 tỷ đồng (tăng 34,0% so với tổng khối lượng phát hành năm 2023).

Những dự báo chính về thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2024 như sau:

- 1) Kỳ hạn trái phiếu: trong điều kiện lợi suất phát hành đang ở mức thấp, kỳ hạn bình quân của trái phiếu dự kiến sẽ tiếp tục theo xu hướng được kéo dài ra bằng việc tăng cường phát hành các kỳ hạn trái phiếu có kỳ hạn từ 10 năm trở lên để giảm bớt áp lực trả nợ của Chính phủ.
- 2) Thanh khoản thị trường trái phiếu: thanh khoản thị trường sẽ được tiếp tục cải thiện so với năm 2023, có thể ở mức 4.000 - 7.000 tỷ đồng/phần. Tỷ trọng giao dịch sẽ duy trì tập trung ở các kỳ hạn dài, từ 10 năm trở lên.
- 3) Lợi suất trái phiếu: sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp ít nhất cho tới giữa năm 2024. Xu hướng giảm nhẹ có thể tiếp tục trong giai đoạn đầu năm khi tăng trưởng tín dụng và giải ngân đầu tư công chưa bứt phá. Giai đoạn nửa cuối năm, lợi suất có thể biến động tăng giảm đan xen dưới tác động của các yếu tố vĩ mô, đặc biệt là tín dụng và đầu tư công nếu được cải thiện.

Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã bước đầu hồi phục trong nửa cuối năm 2023 sau khi khá trầm lắng vào đầu năm. Có thể thấy niềm tin nhà đầu tư đã dần trở lại kể từ khi Nghị định 08/2023/NĐ-CP được ban hành, cho phép doanh nghiệp giãn, hoãn nợ trái phiếu và hoán đổi trái phiếu thành tài sản khác. Sự cải thiện về giá trị phát hành cũng phần nào được hỗ trợ bởi sự ra đời của hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, giúp gia tăng thanh khoản và minh bạch thông tin cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Áp lực đáo hạn vào năm 2024 - 2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1 - 2 năm. Từ đầu năm 2023, khoảng 36.915 tỷ đồng trái phiếu đã được kéo dài thời gian đáo hạn sang giai đoạn 2024 - 2025. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là 278.210 tỷ đồng và 294.436 tỷ đồng, trong đó có khoảng 40,0% là trái phiếu bất động sản. 2024 cũng là năm mà một số điều thuộc Nghị định 08/2023/NĐ-CP hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65/2022/NĐ-CP, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn.

GENERALI TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM SỐ 1 TẠI Ý (*)

(*) Theo Báo cáo Phí bảo hiểm trực tiếp năm 2022 từ ANIA-Hiệp hội của các công ty bảo hiểm

GENERALI TOÀN CẦU

655 TỶ EURO
TỔNG TÀI SẢN
QUẢN LÝ (2023)

82,5 TỶ EURO
DOANH THU PHÍ
BẢO HIỂM (2023)

70 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

82 NGHÌN
NHÂN VIÊN

TOP^()
100** CÔNG TY
BỀN VỮNG
NHẤT THẾ GIỚI

TOP^(**)
500** CÔNG TY
LỚN NHẤT
THẾ GIỚI

(**) Tạp chí Corporate Knights (2020)

(****) Bảng xếp hạng Fortune Global 500 (2021)

GENERALI VIỆT NAM

ĐƠN GIẢN, HIỆU QUẢ
LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM



GIẢI THƯỞNG
RỒNG VÀNG
2017 - 2023



CÔNG TY BẢO HIỂM
CÓ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM⁽¹⁾



TOP 100 NƠI
LÀM VIỆC TỐT NHẤT
VIỆT NAM
2021, 2022 & 2023⁽²⁾



THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM VỚI GIẢI THƯỞNG
“SÁNG KIẾN TIẾP THỊ
CỦA NĂM 2022”⁽³⁾

⁽¹⁾ Dựa trên chỉ số R-NPS năm 2022
& Giải thưởng Rồng Vàng năm 2023

⁽²⁾ Theo khảo sát của Anphabe

⁽³⁾ Giải thưởng bảo hiểm Châu Á năm 2022

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH
GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH
43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 1900 969675

🌐 www.generalivn.com

📧 info@generalilife.com.vn